

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 5 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vân và ông Nguyễn Duy Phong.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu Q, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường L, thành phố Ph, tỉnh H.

2. **Bị đơn:** Anh Trần Hữu L, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện L, tỉnh H.

Phiên tòa: Chị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2024; bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Q kết hôn với anh Trần Hữu L là tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Hoà Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ chị Q tại tổ dân phố H, phường L, thành phố Ph, tỉnh H. Vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Q thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con chung là cháu Trần Minh Q. Cháu Q có dấu hiệu mắc bệnh tự kỷ nhưng anh L không quan tâm, thờ ơ, bỏ mặc mẹ con chị tự lo liệu cuộc sống. Đến khoảng tháng 4 năm 2020, chị Q và anh L đã chính thức ly thân, anh L trở về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ anh L ở thôn 5, xã H, huyện L, tỉnh H còn chị Q cùng con chung tiếp tục sinh sống tại nhà bố mẹ chị ở tổ dân phố Hoàng Lương, phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, anh L chỉ gửi tiền chu cấp nuôi con chung là cháu Q mỗi tháng 5.000.000 đồng. Nay chị Q xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị được ly hôn với anh Trần Hữu L.

- Về con chung: Chị Q xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Minh Q, sinh ngày 11/01/2018, hiện nay đang học tại Trung tâm Blu Skye tại đường Lý Thường Kiệt, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, cháu Q đang do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn, chị Q đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Minh Q. Chị Q yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác: Chị Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình làm việc tại xã Hoà Hậu, ông Trần Hữu Th là bố đẻ anh Trần Hữu L trình bày: Vợ chồng anh L, chị Q chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do cháu Q là con chung của vợ chồng bị mắc bệnh tự kỷ nên vợ chồng mâu thuẫn trong việc chăm sóc con chung. Chị Q làm đơn ly hôn với anh L, gia đình ông mong muốn Toà án hoà giải để vợ chồng anh L, chị Q đoàn tụ, trường hợp không hoà giải được đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Về con chung: Ông Th xác định anh L, chị Q có 01 con chung như chị Q trình bày là đúng, ông không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác ông Th không có ý kiến gì.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Trần Hữu L; tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do, nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên toà sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu Q và anh Trần Hữu L. Về con chung: Giao cháu Trần Minh Q cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Q 5.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, công nợ và các vấn

đề khác: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị Q phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm; anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị Thu Q cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự; chị Nguyễn Thị Thu Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu Q và anh Trần Hữu L là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị Q cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con chung là cháu Trần Minh Q. Cháu Q có dấu hiệu mắc bệnh tự kỷ nhưng anh L không quan tâm, thờ ơ, bỏ mặc mẹ con chị tự lo liệu cuộc sống. Anh L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Hoà Hậu, huyện Lý Nhân sinh sống, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, anh L chỉ gửi tiền chu cấp nuôi cháu Q mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ tại địa phương xã Hoà Hậu, xác định nguyên nhân vợ chồng chị Q và anh L xảy ra mâu thuẫn như ý kiến của chị Q trình bày nêu trên là đúng. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không hợp tác làm việc, không tham gia hoà giải, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Q là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị Q là chính đáng, phù hợp với thực tế và điều kiện ăn ở, sinh hoạt, học tập của cháu Q; anh L không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo không bị xáo trộn cuộc sống của cháu Q, nên giao cháu Q cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và pháp luật quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, chị Q không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để xác định công việc và thu nhập hàng tháng của anh L; bản thân anh L thì không đến Toà án làm việc. Sau khi xem xét điều kiện sinh hoạt và học tập của cháu Q cũng như mức lương cơ bản quy định của nhà nước và thu nhập bình quân của người dân trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu về cấp dưỡng tiền nuôi con của chị Q như vậy là cao, nên cần điều chỉnh và buộc anh L cấp dưỡng nuôi con cho chị Q mỗi tháng 4.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu Q và anh Trần Hữu L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh Q, sinh ngày 11/01/2018 cho chị Nguyễn Thị Thu Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Q 4.000.000 (Bốn triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, tự lập.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Q phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000833 ngày 11 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Hữu L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Hoà Hậu, huyện Lý Nhân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy